

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ**  
**của Trường Đại học Võ Trường Toản**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĨ TRƯỜNG TOẢN**

Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;  
Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;  
Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; được sửa đổi, bổ sung ngày 19 tháng 6 năm 2009;  
Căn cứ Luật chuyên gia công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;  
Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;  
Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012; được sửa đổi, bổ sung ngày 19 tháng 11 năm 2018;  
Căn cứ Quyết định số 78/2008/QĐ-BGDĐT ngày 29 tháng 12 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về Quản lý hoạt động Sở hữu trí tuệ trong cơ sở giáo dục đại học;  
Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Võ Trường Toản;  
Căn cứ vào Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Võ Trường Toản;  
Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Quản lý Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành “Quy chế Quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Võ Trường Toản” kèm theo quyết định này.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Giám đốc Trung tâm Quản lý Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế, các đơn vị trực thuộc trường và toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên, công tác viên Nhà trường và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TCHC, QL NCKH-HTQT.

**HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

**Dương Đăng Khoa**

## QUY CHẾ

### **Quản trị tài sản trí tuệ của Trường Đại học Võ Trường Toản**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 300/QĐ-ĐHVTT-NCKH ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Võ Trường Toản)*

---

## CHƯƠNG I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### **Điều 1. Mục đích ban hành**

Quy chế về Quản trị Tài sản trí tuệ (TSTT) được ban hành nhằm cụ thể hóa Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Võ Trường Toản (sau đây gọi là VTTU) đối với các vấn đề liên quan đến tài sản trí tuệ (sau đây gọi là TSTT) trong các mối quan hệ nội bộ của VTTU và giữa VTTU với các tổ chức, cá nhân có liên quan trên nguyên tắc tuân thủ pháp luật về sở hữu trí tuệ (sau đây gọi là SHTT), qua đó nhằm:

- Khuyến khích, động viên Cán bộ, Giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên của nhà trường tích cực tham gia nghiên cứu, sáng tạo.
- Kịp thời phát hiện, ghi nhận các TSTT phát sinh, từ đó tiến hành các thủ tục xác lập quyền để bảo vệ quyền SHTT của cá nhân, tập thể của VTTU.
- Tạo điều kiện thuận lợi để đẩy nhanh quá trình khai thác, thương mại hoá các TSTT hướng đến tăng doanh thu/lợi ích từ hoạt động khoa học công nghệ và uy tín của VTTU.

#### **Điều 2. Phạm vi áp dụng**

Quy chế về Quản trị TSTT của VTTU quy định về việc nhận diện, xác lập và ghi nhận quyền đối với các TSTT; tổ chức quản lý và khai thác các TSTT; phân bổ lợi ích do các TSTT mang lại, khen thưởng và xử lý vi phạm về SHTT.

#### **Điều 3. Đối tượng áp dụng**

1. Giảng viên, Nghiên cứu viên, Chuyên viên và Nhân viên làm việc tại VTTU sau đây gọi chung là Cán bộ - giảng viên;
2. Sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh đang theo học tại trường sau đây gọi chung là Sinh viên;

3. Thực tập sinh, Cộng tác viên và các đối tượng khác đến làm việc, khảo sát và/hoặc hoạt động tại VTTU sau đây gọi chung là Cộng tác viên;

4. Các Phòng/Ban, Khoa/Bộ môn, Trung tâm và các đơn vị trực thuộc VTTU sau đây gọi chung là Đơn vị trực thuộc;

5. Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có mối quan hệ với VTTU liên quan đến lĩnh vực SHTT.

#### **Điều 4. Giải thích từ ngữ**

Trong phạm vi áp dụng của Quy chế này và theo quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 13, Điều 14 Luật SHTT và pháp luật có liên quan, các thuật ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Tài sản trí tuệ* là đối tượng quyền SHTT bao gồm đối tượng quyền tác giả, đối tượng quyền sở hữu công nghiệp, đối tượng quyền đối với giống cây trồng theo quy định của pháp luật về SHTT.

2. *Đối tượng quyền SHTT* là các đối tượng được quy định theo pháp luật về SHTT.

- Đối tượng quyền tác giả bao gồm tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; đối tượng quyền liên quan đến quyền tác giả bao gồm cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tính hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

- Đối tượng quyền sở hữu công nghiệp bao gồm sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại/tên giao dịch và chỉ dẫn địa lý.

- Đối tượng quyền đối với giống cây trồng là vật liệu nhân giống và vật liệu thu hoạch.

Trong quá trình thực hiện chức năng nhiệm vụ, triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, cung ứng dịch vụ và truyền thông của VTTU, tất cả các đối tượng nêu trên đều có thể phát sinh và trở thành quyền tài sản của VTTU, hoặc giữa VTTU với các bên có liên quan.

3. *Quyền SHTT* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với TSTT, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền liên quan đến giống cây trồng.

4. *Tác giả* là tổ chức, cá nhân sáng tạo ra tác phẩm được bảo hộ dưới dạng quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng gồm người trực tiếp sáng tạo ra tác phẩm và chủ sở hữu quyền tác giả.

5. *Chủ sở hữu quyền tác giả* là tổ chức, cá nhân nắm giữ một, một số hoặc toàn bộ quyền tài sản đối với TSTT.

6. *Quyền tác giả* là quyền của tổ chức cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.

7. *Quyền liên quan đến quyền tác giả* (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.

8. *Quyền sở hữu công nghiệp* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, tên thương mại/tên giao dịch, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu và quyền chống cạnh tranh không lành mạnh.

9. *Quyền đối với giống cây trồng* là quyền của tổ chức, cá nhân đối với giống cây trồng mới do mình chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển hoặc được hưởng quyền sở hữu.

10. *Chủ thể quyền SHTT* là chủ sở hữu quyền SHTT hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu chuyển giao quyền SHTT.

11. *Tác phẩm* là sản phẩm sáng tạo trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật và khoa học thể hiện bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

12. *Tác phẩm phái sinh* là tác phẩm dịch từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, tác phẩm phóng tác, cải biên, chuyển thể, biên soạn, chú giải, tuyển chọn.

13. *Tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã công bố* là tác phẩm, bản ghi âm, ghi hình đã được phát hành với sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan để phổ biến đến công chúng với một số lượng bản sao hợp lý.

14. *Sao chép* là việc tạo ra một hoặc nhiều bản sao của tác phẩm hoặc bản ghi âm, ghi hình bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, bao gồm cả việc tạo bản sao dưới hình thức điện tử.

15. *Phát sóng* là việc truyền âm thanh hoặc hình ảnh hoặc cả âm thanh và hình ảnh của tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng đến công chúng bằng phương tiện vô tuyến, bao gồm cả việc truyền qua vệ tinh để công chúng có thể tiếp nhận được tại địa điểm và thời gian do chính họ lựa chọn.

16. *Sáng chế* là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng ứng dụng các quy luật tự nhiên.

17. *Kiểu dáng công nghiệp* là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

18. *Chương trình máy tính* là tập hợp các chỉ dẫn được thể hiện dưới dạng các lệnh, các mã, lược đồ hoặc bất kỳ dạng nào khác, khi gắn vào một phương tiện mà máy tính đọc được, có khả năng làm cho máy tính thực hiện được một công việc hoặc đạt được một kết quả cụ thể.

19. *Sưu tập dữ liệu* là tập hợp có tính sáng tạo thể hiện ở việc tuyển chọn, sắp xếp các tư liệu dưới dạng điện tử hoặc dạng khác.

20. *Mạch tích hợp bán dẫn* là sản phẩm dưới dạng thành phẩm hoặc bán thành phẩm, trong đó các phần tử với ít nhất một phần tử tích cực và một số hoặc tất cả các mối liên kết được gắn liền bên trong hoặc bên trên tấm vật liệu bán dẫn nhằm thực hiện chức năng điện tử. Mạch tích hợp đồng nghĩa với IC, chip và mạch vi điện tử.

21. *Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn* là cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.

22. *Nhãn hiệu* là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau.

23. *Tên thương mại/tên giao dịch* là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh/giao dịch để phân biệt chủ thể mang tên gọi đó với chủ thể khác trong cùng lĩnh vực và khu vực hoạt động.

Khu vực kinh doanh quy định tại khoản này là khu vực địa lý nơi chủ thể có bàn hàng, khách hàng hoặc có danh tiếng.

24. *Giống cây trồng* là quần thể cây trồng thuộc cùng một cấp phân loại thực vật thấp nhất, đồng nhất về hình thái, ổn định qua các chu kỳ nhân giống, có thể nhận biết được bằng sự biểu hiện các tính trạng do kiểu gen hoặc sự phối hợp giữa các kiểu gen quy định và phân biệt được với bất kỳ quần thể cây trồng nào khác bằng sự biểu hiện của ít nhất một tính trạng có khả năng duy truyền được.

25. *Văn bằng bảo hộ* là văn bản do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho tổ chức, cá nhân nhằm xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý; quyền đối với giống cây trồng.

26. *Vật liệu nhân giống* là cây hoặc bộ phận của cây có khả năng phát triển thành một cây mới dùng để nhân giống hoặc gieo giống.

27. *Vật liệu thu hoạch* là cây hoặc bộ phận của cây thu được từ việc gieo trồng vật liệu nhân giống.

28. *Bí mật kinh doanh* là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh.

29. *Chuyển giao TSTT* là hoạt động chuyển nhượng quyền SHTT hoặc chuyển giao quyền sử dụng (cấp li-xăng) đối với một TSTT cụ thể.

30. *Nhiệm vụ được giao* là nhiệm vụ theo quy định của VTTU hoặc được xác định trong hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc.

31. *Thông tin bảo mật của VTTU* là các bí mật thông tin hoặc các thông tin không được tiết lộ được đánh dấu mật bao gồm nhưng không giới hạn: bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ.

- Bí mật kinh doanh là thông tin thu được từ hoạt động đầu tư tài chính, trí tuệ, chưa được bộc lộ và có khả năng sử dụng trong kinh doanh;

- Bí mật công nghệ là những thông tin thu được từ hoạt động khoa học công nghệ chưa được bộc lộ.

32. *Nguồn lực của VTTU* bao gồm nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất – trang thiết bị và các nguồn lực khác.

## **CHƯƠNG II**

### **QUYỀN SỞ HỮU ĐỐI VỚI CÁC TSTT**

#### **Điều 5. VTTU là chủ sở hữu đối với các TSTT sau đây:**

1. Được tạo ra bởi Cán bộ - giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên theo nhiệm vụ được giao, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng do VTTU đặt hàng đối với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường, trừ trường hợp các hợp đồng này có quy định khác.

3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa VTTU với các đối tác mà trong hợp đồng có quy định các TSTT phát sinh thuộc quyền sở hữu của VTTU.

4. Được các cơ quan có thẩm quyền chỉ định, phân cấp hoặc chuyển giao cho VTTU đứng tên chủ sở hữu.

5. Được các chủ thể khác là chủ sở hữu hợp pháp đối với các TSTT chuyển nhượng hoặc tặng cho VTTU.

#### **Điều 6. VTTU là đồng sở hữu đối với các TSTT sau đây:**

1. Được tạo ra bởi Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên không theo nhiệm vụ được giao, nhưng có sử dụng nguồn lực của VTTU, trừ khi giữa VTTU và chủ thể có liên quan có thỏa thuận khác.

2. Được tạo ra bởi Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên không theo nhiệm vụ được giao và không sử dụng nguồn lực của trường, nhưng xuất phát từ thông tin bảo mật của VTTU mà Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên đó được phép tiếp cận và sử dụng một cách hợp pháp, trừ khi giữa VTTU và chủ thể có liên quan có thoả thuận khác.

3. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng hợp tác nghiên cứu, đầu tư, kinh doanh và các loại hợp đồng khác (trừ hợp đồng được quy định tại khoản 4 điều 6 Quy chế này) với các đối tác, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

4. Được tạo ra trong quá trình thực hiện các hợp đồng tài trợ. Trong đó, VTTU là bên tài trợ hoặc được tài trợ, trừ trường hợp hợp đồng đó có quy định khác.

5. Phương thức xác định tỷ lệ sở hữu trong từng trường hợp quy định tại điều này sẽ do các bên có liên quy định cụ thể bằng văn bản trên cơ sở nguyên tắc hợp tác bền vững, cùng có lợi.

6. Trong trường hợp một đồng sở hữu có nhu cầu chuyển nhượng phần quyền sở hữu của mình thì VTTU và các đồng sở hữu còn lại được quyền ưu tiên nhận chuyển nhượng theo các điều kiện thương mại hợp lý, trừ khi các bên có thoả thuận khác.

**Điều 7. VTTU không phải là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu đối với các TSTT sau đây:**

1. Được tạo ra bởi Cán bộ - giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên nhưng không theo nhiệm vụ được giao, không sử dụng nguồn lực của VTTU và cũng không xuất phát từ ít nhất một TSTT thuộc thông tin bảo mật của VTTU.

2. Được tạo ra bởi Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên trong quá trình hưởng ứng các hoạt động của các đoàn thể hoặc nhằm phục vụ các sinh hoạt cộng đồng.

3. Được tạo ra trong quá trình triển khai các hợp đồng ký kết giữa VTTU với các đối tác khác trong đó có quy định rõ các TSTT phát sinh là thuộc về các bên đối tác.

**Điều 8. Quyền SHTT của Cán bộ- giảng viên**

1. Cán bộ- giảng viên sẽ được hưởng quyền nhân thân đối với TSTT do mình tạo ra.

2. Đối với các TSTT được tạo ra do sử dụng nguồn lực của VTTU hoặc do nhiệm vụ được giao, các tác giả hoặc đồng tác giả không được quyền sở hữu đối với các TSTT này.

3. Tất cả các TSTT được tạo ra, phát triển bởi Cán bộ - giảng viên trong thời gian ngoài giờ làm việc chính thức, không liên quan trực tiếp đến hoạt động khoa học công

nghệ của VTTU hoặc không sử dụng đáng kể nguồn lực của VTTU sẽ thuộc quyền sở hữu của Cán bộ- giảng viên.

4. Trước khi Cán bộ - giảng viên nộp hồ sơ yêu cầu cấp bằng sáng chế, chuyên giao hoặc thương mại hoá TSTT được xem là thuộc sở hữu của mình như quy định tại khoản 3 điều này, Cán bộ - giảng viên phải có trách nhiệm thông báo đầy đủ, chính xác và trung thực các thông tin liên quan cho Bộ phận quản trị TSTT của VTTU.

5. Trừ khi giữa VTTU và Cán bộ - giảng viên có thoả thuận khác, mọi giáo trình, bài giảng, đề cương, phần mềm, giáo cụ do Cán bộ, giảng viên biên soạn, thiết kế để phục vụ việc giảng dạy theo các hướng dẫn hoặc yêu cầu của VTTU đều thuộc về Cán bộ - giảng viên. Cán bộ - giảng viên đồng ý cho VTTU sử dụng các giáo trình, bài giảng, đề cương giáo trình, phần mềm, giáo cụ này trong và chỉ trong phạm vi hoạt động nghiên cứu khoa học và giảng dạy tại VTTU.

6. Các giáo trình, bài giảng, đề cương giáo trình, phần mềm, giáo cụ do VTTU đầu tư hoặc tài trợ để Cán bộ - giảng viên biên soạn, thiết kế nhằm phục vụ cho việc giảng dạy sẽ thuộc quyền sở hữu chung của VTTU và Cán bộ - giảng viên liên quan, trừ khi giữa VTTU và Cán bộ- giảng viên có thoả thuận khác.

### **Điều 9. Quyền SHTT của Sinh viên**

1. Sinh viên được hưởng quyền tác giả đối với luận văn, khoá luận, luận án, đồ án của mình nếu không có cam kết gì khác với các đối tác bên ngoài.

2. Các TSTT phát sinh trong quá trình học tập, nghiên cứu của người học được thể hiện qua các bài tập, đồ án môn học, khoá luận, luận văn tốt nghiệp đều thuộc về người học, trừ các trường hợp được đề cập tại khoản 3 điều này dưới đây.

3. Trong trường hợp các TSTT của quá trình học tập, nghiên cứu được tạo ra chủ yếu thông qua việc sử dụng các nguồn lực của VTTU hoặc có sự đầu tư hay hỗ trợ đáng kể của Cán bộ- giảng viên của VTTU, Cán bộ- giảng viên và người học có liên quan sẽ cùng xác định quyền sở hữu đối với TSTT phát sinh bằng văn bản.

4. Nếu các tổ chức, cá nhân là người đầu tư tài chính, nguồn lực cho việc thực hiện khoá luận, đồ án, luận văn, luận án của Sinh viên, trong khi VTTU không tham gia thì quyền sở hữu khoá luận, đồ án, luận văn, luận án được xác định phù hợp với thoả thuận giữa các tổ chức, cá nhân với Sinh viên.

## **CHƯƠNG III**

### **TÁC GIẢ VÀ ĐỒNG TÁC GIẢ CỦA CÁC TSTT**

#### **Điều 10. Các quy định về tác giả và đồng tác giả**



1. Một cá nhân được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT nếu cá nhân đó có tham gia vào việc sáng tạo ra TSTT tương ứng. Được xem là “có tham gia vào việc sáng tạo” khi phần việc do người đó thực hiện không nảy sinh một cách hiển nhiên hoặc dễ dàng đối với các thành viên tham gia đề tài, dự án, công trình, khâu công việc mà từ đó TSTT liên quan được tạo ra.

3. Trong trường hợp TSTT được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả thì danh sách tên các đồng tác giả và tỷ lệ đóng góp của từng tác giả sẽ do nhóm tác giả tự thỏa thuận nhưng không được trái quy định của Quy chế này và pháp luật hiện hành.

4. Các đồng tác giả được hưởng quyền tài sản tương ứng theo quy định hợp pháp của Quy chế này, hoặc trong hợp đồng giao kết, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Những Sinh viên thực hiện đề tài thạc sĩ, tiến sĩ tại VTTU được VTTU công nhận là tác giả hoặc đồng tác giả tùy theo mức độ đóng góp dựa trên cơ sở ý kiến bằng văn bản của người hướng dẫn.

### **Điều 11. Quy định về nhân thân**

1. Các tác giả hoặc đồng tác giả của TSTT được hưởng các quyền nhân thân theo quy định tương ứng của pháp luật về SHTT, pháp luật về dân sự và pháp luật khác có liên quan, trừ trường hợp Quy chế này hoặc trong hợp đồng tương ứng có quy định hợp pháp khác.

2. Sinh viên được hưởng một phần hoặc toàn bộ quyền tác giả bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản đối với khoá luận, đồ án, luận văn, luận án, công trình nghiên cứu khoa học trên cơ sở được người hướng dẫn khoa học, các công sự chấp thuận và được VTTU xác nhận.

### **Điều 12. Quyền tài sản của tác giả và đồng tác giả**

Các tác giả và đồng tác giả được hưởng quyền tài sản theo quy định tương ứng của luật SHTT hoặc theo các quy định về trả thù lao, nhuận bút, tiền khen thưởng sáng kiến đổi mới của VTTU hay của chủ thể có liên quan, hoặc theo các giao kết trong hợp đồng mà các bên đã ký.

### **Điều 13. Xác định tỷ lệ đóng góp**

Trong trường hợp, TSTT được tạo ra bởi nhiều đồng tác giả, các tác giả có nghĩa vụ cùng xem xét và thỏa thuận bằng văn bản có xác nhận của VTTU về tỷ lệ đóng góp của mỗi người trong quá trình sáng tạo ra TSTT. Nếu không có sự thỏa thuận rõ ràng về tỷ lệ đóng góp thì các quyền tài sản và quyền nhân thân liên quan được xem như phân đều giữa các đồng tác giả.

## **CHƯƠNG IV**

### **QUẢN LÝ VÀ BẢO MẬT CÁC TSTT**

#### **Điều 14. Bộ phận Quản trị TSTT**

Bộ phận quản trị TSTT trực thuộc Trung tâm Quản lý Nghiên cứu khoa học - Hợp tác quốc tế (sau đây gọi là TT QLNCKH-HTQT), Bộ phận quản trị TSTT có nhiệm vụ tổ chức, thực hiện việc xác lập quyền sở hữu, khai thác và thương mại hoá các TSTT của VTTU đồng thời giúp Giám đốc TT QLNCKH-HTQT thực hiện chức năng tham mưu cho Hiệu trưởng và phối hợp với các đơn vị trực thuộc và các cá nhân có liên quan thực hiện nhiệm vụ quản trị các TSTT của VTTU. Các quản trị viên thuộc Bộ phận quản trị TSTT có trách nhiệm báo cáo công việc trực tiếp với trưởng bộ phận. Các quản trị viên hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm tùy theo khối lượng công việc thực tế phát sinh trong từng giai đoạn.

#### **Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của bộ phận Quản trị TSTT**

1. Theo dõi, hướng dẫn và phối hợp các đơn vị trực thuộc, Cán bộ - giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên trong việc nhận diện và thông tin về các loại TSTT khác phát sinh trong mọi hoạt động của VTTU.

2. Tổ chức ghi nhận và lưu trữ các chứng cứ liên quan đến TSTT phát sinh thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của VTTU.

3. Xác định quyền nhân thân, quyền tài sản tương ứng đối với các TSTT.

4. Phân loại TSTT và tiến hành các thủ tục xác lập quyền hoặc các biện pháp bảo mật cần thiết.

5. Xây dựng và trình lên Hiệu trưởng ký ban hành các quy trình, thủ tục, biểu mẫu quản lý cụ thể nhằm triển khai quy chế này.

6. Định kỳ tổ chức rà soát, đánh giá, định giá các TSTT thuộc danh mục quản lý.

7. Đề xuất cho Hiệu trưởng các giải pháp quản lý và khai thác có hiệu quả các TSTT.

8. Giám sát việc thực thi quyền SHTT của các cá nhân và đơn vị trực thuộc VTTU.

9. Phối hợp với trưởng các đơn vị trực thuộc VTTU triển khai quy chế này.

10. Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung những nội dung trong các văn bản hướng dẫn cụ thể khi thực hiện các quy định về SHTT của VTTU sao cho phù hợp với sự phát triển của VTTU trong từng giai đoạn.

#### **Điều 16. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Đơn vị trực thuộc**

Trưởng các Đơn vị trực thuộc có trách nhiệm phối hợp và hỗ trợ TT QLNCCKH-HTQT trong việc:

1. Quán triệt Quy chế này cùng các quy định liên quan khác đến tất cả các Cán bộ-giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên thuộc phạm vi quản lý của mình.

2. Phòng chống việc xâm phạm trái phép quyền SHTT của các chủ thể khác trong mọi hoạt động thuộc phạm vi quản lý của mình. Trong trường hợp vi phạm, các Đơn vị trực thuộc phải tự chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, trước pháp luật và tự chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh, cụ thể:

- Tất cả Cán bộ - giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên phải sử dụng phần mềm có bản quyền, sách và tài liệu tham khảo bằng bản gốc khi làm việc tại trường.

- Trung tâm Công nghệ phần mềm, Ban Quản lý dự án và Quản trị thiết bị có trách nhiệm mua sắm và cài đặt các phần mềm có bản quyền cho toàn bộ các Đơn vị trực thuộc VTTU.

- Thư viện VTTU có trách nhiệm đề xuất mua sắm các tài liệu gốc phục vụ cho công tác nghiên cứu và giảng dạy.

- Bộ phận Quản trị TSTT phối hợp với các Đơn vị trực thuộc VTTU kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc tuân thủ các quy định này và báo cáo kịp thời lên Hiệu trưởng.

3. Yêu cầu các Cán bộ - giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên trong phạm vi quản lý của mình tiến hành hoạt động ghi nhận các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành theo hướng dẫn của Bộ phận quản trị TSTT.

4. Tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu của các tác giả đồng thời tham gia quản lý, đôn đốc việc triển khai thực hiện các nghiên cứu đạt hiệu quả cao nhất.

5. Yêu cầu nhân sự trực thuộc đơn vị mình quản lý thực hiện các thủ tục, biểu mẫu SHTT đối với các TSTT do đơn vị mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy chế này.

6. Xúc tiến việc khai thác giá trị của các TSTT do đơn vị mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định của Quy chế này.

7. Hoạch định và chủ động đề xuất các nhiệm vụ khoa học công nghệ phù hợp với đơn vị mình, phù hợp với chiến lược phát triển của VTTU và thoả mãn tốt nhu cầu xã hội.

#### **Điều 17. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cán bộ- giảng viên**

1. Ghi nhận kịp thời và đầy đủ về các TSTT mới phát sinh trong phạm vi nhiệm vụ được giao, theo các thủ tục, biểu mẫu đã được ban hành với sự hướng dẫn của Bộ phận quản trị TSTT. Tất cả các bản ghi nhận này được xem là thông tin bảo mật của trường cho đến khi Bộ phận Quản trị TSTT thông báo bằng văn bản về việc có thể công bố hoặc tiết lộ.

2. Không được sử dụng các quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được sự đồng ý của họ. Trong trường hợp vi phạm, Cán bộ - giảng viên phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.

3. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy chế này.

4. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc quyền sở hữu của trường hoặc của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Quy chế này.

5. Hỗ trợ TT QLNCXH-HTQT mô tả các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập và khai thác quyền đối với TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc quyền sở hữu của trường hoặc của chủ thể khác có liên quan.

6. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về TSTT được quy định trong quy chế này. Tuyệt đối không được tiết lộ, chuyển giao các TSTT của VTTU khi chưa nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng.

7. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến TSTT của VTTU phải được sự đồng ý bằng văn bản của nhà trường.

8. Đóng góp ý kiến giúp Bộ phận quản trị TSTT nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác TSTT của VTTU.

### **Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Sinh viên**

1. Không được sử dụng các quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được sự đồng ý của họ. Trong trường hợp vi phạm, Sinh viên phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.

2. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy chế này.

3. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của trường hoặc của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Quy chế này.

4. Hỗ trợ TT QLCKH-HTQT mô tả các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập và khai thác quyền đối với TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc quyền sở hữu của trường hoặc của chủ thể khác có liên quan.

5. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về TSTT được quy định trong quy chế này. Tuyệt đối không được tiết lộ, chuyển giao các TSTT của VTTU khi chưa nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng.

6. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến TSTT của VTTU phải được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng.

7. Đóng góp ý kiến giúp Bộ phận quản trị TSTT nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác TSTT của VTTU.

### **Điều 19. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cộng tác viên**

1. Không được sử dụng các quyền SHTT của các tổ chức, cá nhân khác nếu chưa được sự đồng ý của họ. Trong trường hợp vi phạm, Cộng tác viên phải tự chịu trách nhiệm trước pháp luật và gánh chịu mọi thiệt hại có thể phát sinh.

2. Thực hiện đăng ký bảo hộ quyền SHTT đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra theo quy định tại Quy chế này.

3. Thực hiện việc chuyển nhượng quyền đối với các TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc sở hữu của trường hoặc của các tổ chức, cá nhân khác theo quy định tại Quy chế này.

4. Hỗ trợ TT. QLCKH-HTQT mô tả các thông tin, dữ liệu cần thiết nhằm xúc tiến các hồ sơ, thủ tục xác lập và khai thác quyền đối với TSTT do mình tạo ra hoặc tham gia tạo ra nhưng thuộc quyền sở hữu của trường hoặc của chủ thể khác có liên quan.

5. Tuân thủ các quy tắc bảo mật về TSTT được quy định trong quy chế này. Tuyệt đối không được tiết lộ, chuyển giao các TSTT của VTTU khi chưa nhận được sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng.

6. Trong trường hợp muốn công bố sớm kết quả nghiên cứu khoa học liên quan đến TSTT của VTTU phải được sự đồng ý bằng văn bản của nhà trường.

7. Đóng góp ý kiến giúp Bộ phận quản trị TSTT nâng cao hiệu quả quản lý và khai thác TSTT của VTTU.

### **Điều 20. Các quy tắc bảo mật TSTT**

1. Khi có TSTT mới phát sinh được nhận diện, Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên có liên quan phải tiến hành báo cáo cho Bộ phận quản trị TSTT và đánh dấu lên tài liệu bằng ký hiệu “THÔNG TIN BẢO MẬT” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải

của tài liệu. Trong trường hợp không kịp xử lý đúng quy tắc trên, tất cả các tài liệu này phải được lưu trong tập hồ sơ có đánh dấu “THÔNG TIN BẢO MẬT”.

2. Những tài liệu đã được Bộ phận quản trị TSTT xử lý và xác nhận là thông tin bảo mật, Bộ phận quản trị TSTT sẽ đóng dấu “MẬT” màu đỏ, đặt ở góc trên, bên phải của tài liệu và được tiến hành quản lý theo dạng thông tin bảo mật.

3. Chỉ có Cán bộ - giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên có nhiệm vụ liên quan mới được tiếp cận thông tin bảo mật.

4. Việc tiếp cận thông tin bảo mật phải có sự đồng ý của Hiệu trưởng.

5. Những thông tin bảo mật liên quan đến TSTT của VTTU sẽ được lưu trữ tại tủ hồ sơ mật của Bộ phận quản trị TSTT hoặc dạng tập tin điện tử với tên là “MAT\_Ten tap tin”.

### **Điều 21. Các quy định về giao kết bảo vệ bí mật**

1. Tất cả Cán bộ- giảng viên của VTTU trước khi nghỉ hưu, nghỉ việc hoặc chuyển công tác đến đơn vị khác phải có nghĩa vụ cam kết các nội dung sau:

- Không được sử dụng bất cứ chương trình đào tạo, hoặc bất cứ quy trình tổ chức hoặc quy trình quản lý các hoạt động chuyên môn của nhà trường để áp dụng vào các cơ quan đơn vị khác không thuộc VTTU.

- Không được tiết lộ hoặc chuyển giao bất kỳ thông tin bảo mật hoặc thông tin nội bộ của VTTU cho bất kỳ bên thứ ba nào khác dưới bất kỳ hình thức nào trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng.

- Không được sử dụng bất kỳ TSTT nào được tạo ra bởi Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên của VTTU kể cả của chính bản thân cá nhân tác giả nếu các TSTT đó là sản phẩm của quá trình nghiên cứu có sử dụng các nguồn lực của VTTU (cơ sở vật chất, tài chính...) cho các mục đích cá nhân hoặc mua bán, trao đổi với bất kỳ bên thứ ba nào khác trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng.

2. Phòng Tổ chức- Hành chính có trách nhiệm soạn thảo các giao kết bảo mật trong hợp đồng đối với Cán bộ- giảng viên, Cộng tác viên mới được ký kết hợp đồng vào làm việc tại VTTU.

### **Điều 22. Quy định liên quan đến đối tác của VTTU**

1. Trước khi tiến hành bất kỳ một giao dịch nào với bất kỳ một đối tác nào có khả năng phát sinh các TSTT, các Cán bộ- giảng viên và các đơn vị trực thuộc VTTU tham gia vào giao dịch đó phải trao đổi đầy đủ với các bên liên quan về các vấn đề:

- Quyền sở hữu, quyền khai thác đối với TSTT có thể phát sinh.

- Nguyên tắc bảo vệ các thông tin bảo mật và các bí mật kinh doanh của các bên.
- Các vấn đề liên quan đến SHTT theo quy định trong quy chế này.

2. Các giao dịch sẽ không được ký kết nếu chưa đạt được các thoả thuận cụ thể bằng văn bản về việc xử lý các vấn đề liên quan đến SHTT.

### **Điều 23. Thẩm định và tái thẩm định TSTT hiện hữu**

1. Định kỳ hàng năm Bộ phận quản trị TSTT có trách nhiệm tổ chức thẩm định giá trị của các TSTT và các thông tin bảo mật trong các danh mục quản lý hiện có. Khi cần thiết, có thể kiến nghị Hiệu trưởng thành lập tổ hoặc hội đồng thẩm định/tái thẩm định.

2. Sau mỗi đợt tái thẩm định, Bộ phận quản trị TSTT lập danh sách các TSTT và thông tin bảo mật không còn giá trị khai thác thương mại, không còn phù hợp với điều kiện khai thác của VTTU (nếu có) trình Hiệu trưởng xem xét, quyết định và chỉ được đưa ra khỏi danh mục quản lý hiện hữu sau khi có quyết định bằng văn bản của Hiệu trưởng.

### **Điều 24. Các quy định về sử dụng tên và Logo của VTTU**

1. Tên và logo của VTTU nếu đã được đăng ký bản quyền với Cục SHTT Việt Nam và được pháp luật Việt Nam bảo vệ thì mọi hành vi xâm phạm hoặc sử dụng trái phép tên và logo của VTTU sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Việc thể hiện tên và logo của VTTU trên tất cả các ấn phẩm truyền thông và giấy tờ giao dịch của các Đơn vị trực thuộc VTTU phải tuân theo quy định chung. Mọi trường hợp vi phạm quy định này gây phương hại đến hình ảnh chung của nhà trường sẽ không được tiếp tục sử dụng và phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại đã gây ra hoặc bị xử lý theo các quy định của VTTU.

3. VTTU có thể đồng ý cho các đối tác sử dụng hoặc công bố tên, logo của VTTU trong các tài liệu truyền thông của họ với điều kiện phải thông báo trước về mục đích sử dụng và phải nhận được sự chấp thuận bằng văn bản của VTTU hoặc phải có điều khoản thoả thuận trong hợp đồng liên quan.

4. VTTU không đồng ý cho sử dụng logo của VTTU vì các mục đích sau đây:

- Sử dụng logo của VTTU để phục vụ cho việc cấu tạo nên logo, nhãn hiệu của tổ chức khác.

- Sử dụng logo của VTTU cho việc quảng bá sản phẩm, dịch vụ và các hoạt động nhằm mục đích thương mại mà VTTU chưa chấp thuận bằng văn bản.

- Sử dụng logo của VTTU với ngụ ý như chứng nhận hoặc phê duyệt cho các hoạt động, sản phẩm không được tạo ra bởi các hoạt động do Cán bộ - giảng viên của VTTU thực hiện hoặc không có sự hỗ trợ của VTTU.

## **Điều 25. Tên thương mại/tên giao dịch của VTTU**

1. Tên thương mại/tên giao dịch của VTTU là: Trường Đại học Võ Trường Toản và/hoặc Vo Truong Toan University.

2. VTTU là chủ sở hữu của tất cả các tên thương mại/tên giao dịch của VTTU.

3. Các Phòng/Ban, Khoa/Bộ môn, Trung tâm, Phòng thí nghiệm và các đơn vị khác trực thuộc VTTU được quyền sử dụng tên thương mại/tên giao dịch của VTTU để thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao.

4. Mọi cá nhân, tổ chức khác không được sử dụng tên thương mại/tên giao dịch của VTTU với bất cứ hình thức, lý do nào khi chưa được Hiệu trưởng VTTU chấp thuận bằng văn bản.

## **Điều 26. Quy định về quản trị hình ảnh của VTTU**

1. Tất cả Cán bộ- giảng viên, Sinh viên và Cộng tác viên của VTTU có trách nhiệm trong việc duy trì, xây dựng và bảo vệ uy tín/hình ảnh của VTTU. Nếu phát hiện các hành vi xâm phạm hoặc gây tổn hại đến uy tín/hình ảnh của VTTU, mọi các nhân có nghĩa vụ báo cáo kịp thời cho các khoa/phòng/ban chức năng của VTTU. Trong trường hợp các hành vi xâm phạm có mức độ nghiêm trọng mà việc báo cáo cho VTTU gặp khó khăn, các cá nhân có thể báo cáo cho cơ quan chức năng gần nhất hoặc có liên quan để thông báo sự việc.

2. Việc xâm phạm uy tín/hình ảnh của VTTU bao gồm nhưng không giới hạn ở các hành vi sau:

- Sử dụng logo hoặc tên của VTTU cho các hoạt động thương mại hoặc quảng cáo mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Hiệu trưởng.

- Xâm nhập bất hợp pháp tên miền của của VTTU.

- Lợi dụng danh nghĩa VTTU hoặc mạo danh người của VTTU để thực hiện các hành vi trái pháp luật.

- Sử dụng các thông tin có thể gây hiểu nhầm cho VTTU (sử dụng logo có các dấu hiệu trùng hoặc không khác biệt đáng kể với logo của VTTU).

3. Trường hợp các cá nhân cố ý thực hiện hoặc phát hiện nhưng không báo cáo hoặc bao che cho các hành vi nói trên, nếu bị phát hiện thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý theo các quy định của VTTU cũng như quy định của pháp luật.

## **Điều 27. Các quy định về phát ngôn**

1. Tất cả Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên của VTTU không phát ngôn hoặc cung cấp các nhận xét chỉ dựa trên suy nghĩ chủ quan hoặc không có chứng cứ



xác thực làm ảnh hưởng xấu đến uy tín/hình ảnh của bất kỳ cá nhân hoặc tập thể VTTU cho bất kỳ bên thứ ba nào.

2. Tất cả Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên của VTTU không được phép cung cấp thông tin về các đề tài đang được triển khai thực hiện của những cá nhân cũng như của chính tác giả cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà chưa có sự đồng ý bằng văn bản của VTTU. Nếu vi phạm phải chịu trách nhiệm trước VTTU và pháp luật và phải có trách nhiệm đền bù các thiệt hại phát sinh nếu có.

3. Tất cả Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên của VTTU phải có trách nhiệm giữ bí mật hoặc không được phát ngôn về bất cứ thông tin nào liên quan đến thông tin bảo mật của VTTU. Việc phát ngôn đối với các thông tin này sẽ do người chịu trách nhiệm phát ngôn của VTTU đảm nhận.

## **CHƯƠNG V**

### **CƠ CHẾ KHAI THÁC VÀ PHÂN BỐ LỢI ÍCH TỪ CÁC TSTT**

#### **Điều 28. Các hình thức khai thác TSTT**

Việc khai thác TSTT được tiến hành dưới các hình thức sau:

1. Công bố TSTT;
2. Chuyển nhượng quyền TSTT cho chủ thể khác;
3. Áp dụng TSTT vào quy trình tác nghiệp, sản xuất, kinh doanh;
4. Dùng quyền SHTT để góp vốn, liên doanh, liên kết;
5. Cấp “Li-xăng” cho các đối tượng có nhu cầu;
6. Chuyển giao công nghệ;
7. Chuyển nhượng, cho, tặng;

#### **Điều 29. Quy định về công bố**

1. Quyền công bố đối với TSTT là kết quả nghiên cứu được tạo ra trong hoạt động của VTTU thuộc về VTTU, không phụ thuộc vào tỷ lệ đóng góp nguồn lực tạo ra TSTT, trừ trường hợp các bên tham gia có thoả thuận khác và việc công bố không được làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác thương mại TSTT của chủ sở hữu.

2. Các tác giả và đồng tác giả không được tiết lộ hoặc công khai các thông tin có liên quan đến các TSTT đã được tạo ra cho bất kỳ bên thứ ba nào khác mà chưa có sự đánh giá về khả năng cấp bằng độc quyền sáng chế/giải pháp hữu ích của Bộ phận quản trị TSTT của VTTU. Do đó, đối với các bài báo khoa học được xác định thuộc quyền sở hữu của VTTU, các tác giả và đồng tác giả trước khi gửi bài cho các tạp chí phải nhận được văn bản đồng ý của Giám đốc TT QLNCCKH-HTQT của VTTU. Trong trường hợp

bài báo được phép công bố, tác giả phải ghi rõ tên và địa chỉ của VTTU tại mục địa chỉ công tác của tác giả trên tác phẩm của mình. Ngoài ra, tác giả phải nêu rõ bài báo, công trình được công bố nhận được sự hỗ trợ từ nguồn kinh phí hay cơ sở vật chất nào, từ đề tài nào.

3. Trong trường hợp VTTU không thực hiện việc công bố hoặc không có ý kiến nào khác bằng văn bản đối với việc công bố các TSTT trong một thời hạn hợp lý do VTTU quy định mà không có lý do thoả đáng thì tác giả của các kết quả nghiên cứu được thực hiện quyền công bố.

4. Đối với các khoá luận, luận văn, luận án, đề án được đánh giá là có hàm lượng thông tin có thể được cấp bằng sáng chế hoặc giải pháp hữu ích việc công bố công khai chúng sẽ bị trì hoãn cho đến khi Bộ phận quản trị TSTT của VTTU có văn bản trả lời về việc có thể công bố hoặc không công bố hoặc công bố ở phạm vi nào.

### **Điều 30. Khai thác TSTT**

1. VTTU có toàn quyền sử dụng và khai thác các TSTT do VTTU là chủ sở hữu hoặc đồng chủ sở hữu nhằm mục đích đem lại các lợi ích kinh tế, tài chính và đảm bảo tuân theo các chính sách pháp luật hiện hành của nhà nước.

2. VTTU có quyền sao chép, xuất bản và phân phối các bản sao của khoá luận, luận văn, luận án, đề án của Sinh viên dưới bất kỳ hình thức nào bao gồm xuất bản điện tử hoặc các hình thức khác cho mục đích giảng dạy, nghiên cứu hay các mục đích học thuật khác.

3. Trong trường hợp VTTU không khai thác các TSTT thì tác giả và đồng tác giả của TSTT đó được ưu tiên khai thác sau khi đã giao kết chia sẻ lợi nhuận bằng một hợp đồng li-xăng với VTTU.

### **Điều 31. Quyền và nghĩa vụ về khai thác TSTT của Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên**

1. Có quyền tiếp cận, sử dụng các TSTT của VTTU khi thực hiện nhiệm vụ được VTTU giao.

2. Có quyền được hưởng các lợi ích phù hợp từ việc khai thác TSTT của VTTU mà mình là tác giả hoặc đồng tác giả. Tùy từng trường hợp VTTU sẽ có quy định riêng.

3. Vẫn giữ được quyền nhân thân đối với các tác phẩm, sáng chế của mình khi không còn công tác tại VTTU.

4. Trong trường hợp TSTT do Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên tạo ra là một tác phẩm phái sinh từ các tác phẩm thuộc sở hữu hoặc đồng sở hữu của VTTU và thuộc trường hợp phải xin phép trước chủ sở hữu tác phẩm gốc theo quy định của pháp

luật SHTT, các tác giả và đồng tác giả phải thông báo cho VTTU về việc xuất hiện tác phẩm phái sinh này và nhận được sự đồng ý bằng văn bản của VTTU trước khi công bố và khẳng định quyền sở hữu của họ đối với tác phẩm phái sinh đó.

### **Điều 32. Chuyển giao TSTT giữa VTTU và các Đơn vị trực thuộc với Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên**

1. Trong trường hợp VTTU thông báo không xác lập hoặc từ bỏ quyền sở hữu của trường đối với TSTT do các Đơn vị trực thuộc hoặc Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên sáng tạo ra, Đơn vị trực thuộc hoặc Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên có thể yêu cầu trường chuyển nhượng miễn phí lại TSTT đó cho mình.

2. VTTU có thể yêu cầu các Đơn vị trực thuộc hoặc Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên chuyển nhượng TSTT do họ sáng tạo ra cho VTTU theo thỏa thuận phù hợp với quy định pháp luật.

3. Các Đơn vị trực thuộc, Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên đồng ý cấp phép sử dụng không độc quyền và vô thời hạn (Li-xăng cưỡng bức) đối với các TSTT do mình tự tạo lập cho VTTU vào mục đích nghiên cứu khoa học và đào tạo nhân lực tại VTTU.

4. Các Đơn vị trực thuộc, Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên đang làm việc, học tập, nghiên cứu tại trường không được chuyển giao các TSTT của mình cho bất kỳ bên thứ ba nào nếu việc chuyển giao đó có thể ảnh hưởng đến lợi ích hoặc tạo xung đột quyền lợi của VTTU, trừ trường hợp có sự thỏa thuận bằng văn bản với VTTU hoặc pháp luật có liên quan quy định khác.

### **Điều 33. Hoạt động xúc tiến thương mại của Bộ phận Quản trị TSTT**

1. Bộ phận Quản trị TSTT có trách nhiệm và được toàn quyền chủ động trong việc xúc tiến thương mại đối với các TSTT mà VTTU là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu.

2. Bộ phận Quản trị TSTT tham mưu cho Ban Giám hiệu ký kết các hợp đồng chuyển giao công nghệ, hợp đồng Li-xăng, hợp đồng góp vốn, hợp đồng liên doanh, liên kết bằng TSTT, hợp đồng hợp tác nghiên cứu để tạo ra TSTT mới và các loại hợp đồng khác nhằm xúc tiến thương mại theo quy định của pháp luật.

3. Bộ phận quản trị TSTT là nơi tư vấn, hướng dẫn và hỗ trợ cho các đơn vị trực thuộc, Cán bộ - giảng viên, Sinh viên và Cộng tác viên trong việc thương mại hoá các TSTT thuộc quyền sở hữu của mình.

### **Điều 34. Phân bổ thu nhập và lợi ích từ việc sử dụng và khai thác các TSTT**

1. Sau khi đã trừ các chi phí (nếu có), gồm: thuế, phí, lệ phí đăng ký xác lập quyền, tìm kiếm đối tác, giao kết hợp đồng, nộp cơ quan cấp kinh phí, trích nộp Quỹ

Khoa học Công nghệ VTTU và các loại phí, lệ phí khác, việc hưởng thu nhập và lợi ích từ việc sử dụng và khai thác các TSTT được tính như sau:

a) Nếu giữa VTTU và tác giả không có thoả thuận gì khác, tỷ lệ phân chia lợi nhuận được quy định như sau:

- Tác giả, đồng tác giả được hưởng 30% là tiền thù lao tác giả.
- VTTU được hưởng 70%.

b) Trong trường hợp khác, tỷ lệ phân chia sẽ được quy định rõ trong thoả thuận (bằng văn bản) giữa các bên căn cứ trên tỷ lệ đóng góp nguồn lực (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...) để tạo ra TSTT.

2. Cán bộ - giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên đã được đứng tên là tác giả hoặc đồng tác giả của một TSTT do VTTU là chủ sở hữu hoặc là đồng sở hữu sẽ tiếp tục được hưởng thù lao trong suốt thời gian bảo hộ của TSTT kể cả khi không còn làm việc tại VTTU.

3. Phần lợi nhuận của VTTU sẽ được phân bổ như sau:

a) Đơn vị trực thuộc mà ở đó TSTT được thực hiện chủ yếu: 25% (phần lợi nhuận còn lại mà VTTU đã nhận được sau khi đã trừ tiền thù lao tác giả, gọi tắt là LNCL) từ việc sử dụng và khai thác các TSTT.

b) Quỹ nghiên cứu khoa học của VTTU: 50% LNCL

c) Quỹ phúc lợi của VTTU: 20%

d) Quỹ hoạt động cho Bộ phận quản trị TSTT: 5% LNCL. Trong đó quỹ hoạt động cho Bộ phận quản trị TSTT nhằm phục vụ cho các hoạt động quản trị TSTT cho năm tiếp theo, bao gồm:

- Tuyên truyền, phổ biến pháp luật SHTT và kiến thức quản trị TSTT.
- Xây dựng kế hoạch hoạt động cho VTTU hàng năm.
- Xây dựng cơ sở dữ liệu quản trị TSTT và cơ sở dữ liệu thông tin TSTT.
- Đầu tư trang thiết bị phục vụ hoạt động quản trị TSTT.

4. Tỷ lệ phân chia lợi nhuận của các đồng tác giả tùy thuộc vào tỷ lệ đóng góp của từng cá nhân tác giả theo như thoả thuận bằng văn bản đã được xác nhận của VTTU.

5. Đối với các TSTT tạo ra từ hợp tác nghiên cứu, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh có nhiều chủ sở hữu, thu nhập hoặc lợi nhuận phát sinh sẽ được phân chia dựa theo tỷ lệ sở hữu của mỗi đồng sở hữu, trừ khi giữa các bên có thoả thuận khác.

## **CHƯƠNG VI**

### **QUY ĐỊNH VỀ KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 35. Các quy định về khen thưởng**

1. Đối với Cán bộ- giảng viên, Sinh viên và Cộng tác viên đã tạo ra TSTT mang lại lợi ích/doanh thu cụ thể cho VTTU sẽ được hưởng lợi nhuận như quy định tại điều 34 của quy chế này.

2. Hàng năm, VTTU sẽ có chế độ khen thưởng đối với Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên đã tham gia tích trong việc tạo ra các TSTT dựa trên cơ sở đánh giá xếp loại của Bộ phận quản trị TSTT. Các chi phí khen thưởng sẽ được trích trong phần lợi nhuận sau thuế (quỹ phúc lợi VTTU tại khoản c điểm 3 điều 34) từ việc sử dụng và khai thác TSTT của VTTU như quy định ở điều 34 nói trên. Các hình thức cũng như mức khen thưởng sẽ tuân theo quy chế thi đua khen thưởng, quy chế chi tiêu nội bộ của VTTU. Riêng đối với các trường hợp đặc biệt xuất sắc, Bộ phận quản trị TSTT sẽ đề xuất mức khen thưởng xứng đáng trình Hiệu trưởng phê duyệt.

#### **Điều 36. Các hành vi vi phạm quy chế**

Các hành vi vi phạm quy chế quản lý TSTT bao gồm:

1. Phát ngôn/cung cấp các thông tin sai sự thật, hoặc các thông tin được xếp loại thông tin bảo mật, thông tin không được phổ biến của VTTU.

2. Sử dụng các TSTT của người khác mà chưa nhận được sự đồng ý của chủ sở hữu.

3. Công bố các kết quả nghiên cứu, các công trình, đề án nhận được sự hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước hoặc từ quỹ nghiên cứu khoa học của VTTU mà chưa nhận được ý kiến đồng ý bằng văn bản của VTTU.

4. Tạo ra các sản phẩm phái sinh từ những tác phẩm gốc mà VTTU nắm giữ quyền sở hữu mà chưa nhận được sự đồng ý bằng văn bản của VTTU.

5. Sử dụng logo, hoặc tên của VTTU sai mục đích hoặc không nhận được sự đồng ý bằng văn bản của VTTU.

#### **Điều 37. Xử lý vi phạm**

Tuỳ theo mức độ vi phạm, các cá nhân hoặc đơn vị phải chịu trách nhiệm trước VTTU và pháp luật. Nếu các hành vi vi phạm gây phương hại đến hình ảnh, uy tín, quyền lợi và lợi ích hợp pháp của VTTU, các cá nhân hoặc đơn vị liên quan phải có trách nhiệm đền bù cũng như gánh chịu các thiệt hại cho VTTU theo đúng quy định của pháp luật.

## **CHƯƠNG VII**

### **CÁC ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 38. Các điều khoản thi hành**

1. Mọi Cán bộ- giảng viên, Sinh viên, Cộng tác viên và các đối tác của VTTU phải được phổ biến các quy định liên quan đến mình trong quy chế này trước khi ký hợp đồng, thoả thuận, hợp tác với VTTU.

2. Bộ phận quản trị TSTT có trách nhiệm triển khai phương án tập hợp và ghi nhận lại tất cả các TSTT thuộc quyền sở hữu hoặc đồng sở hữu của VTTU đã được hình thành từ trước ngày Quy chế Quản trị TSTT có hiệu lực.

3. Các tranh chấp về SHTT trong nội bộ được ưu tiên xử lý theo tinh thần thoả thuận, hoà giải. Nếu chưa giải quyết được sẽ áp dụng theo trình tự, thủ tục pháp lý có liên quan hiện hành.

4. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày Hiệu trưởng ký quyết định ban hành.

#### **Điều 39. Điều khoản cuối cùng**

1. Quy chế này được áp dụng riêng cho VTTU, trên cơ sở cụ thể hóa Quy chế về tổ chức và hoạt động của VTTU đối với các vấn đề liên quan đến TSTT theo quy định của pháp luật liên quan.

2. Trong trường hợp Quy chế này có điều khoản không phù hợp với pháp luật thì điều khoản đó không được thi hành, trong trường hợp đó Bộ phận Quản trị TSTT tham mưu Hiệu trưởng VTTU sửa đổi.

3. Khi sửa đổi, bổ sung nội dung của Quy chế này, Hiệu trưởng VTTU có quyền tự ra quyết định hoặc dựa trên đề nghị của Bộ phận Quản trị TSTT.

4. Bộ phận Quản trị TSTT có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Đơn vị trực thuộc tổ chức phổ biến Quy chế này cho tất cả các đối tượng liên quan.

5. Quy chế này gồm bảy (07) chương, ba mươi chín (39) điều. Mọi sự sao chép, trích lục Quy chế này phải được sự đồng ý của VTTU./.

**HIỆU TRƯỞNG**

*(Đã ký)*

**Dương Đăng Khoa**